

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới,
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh
Đồng Nai năm 2023**

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025.

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ Quyết định số 650/QĐ-LĐTBXH ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt Kế hoạch truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Căn cứ Kết luận số 390-KL/TU ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI về một số chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, đoàn thể năm 2023.

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023.

Trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh: Kế hoạch số 8264/KH-UBND ngày 19/7/2021 về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 - 2025, Văn bản số 14120/UBND-KTN ngày 27/12/2022 về việc bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 8264/KH-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021, Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 14/10/2022 về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025, Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 09/12/2022 về truyền thông Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch số 281/KH-UBND ngày 29/12/2022 về việc giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, như sau:

I. MỤC TIÊU NĂM 2023

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

a) Có thêm ít nhất 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và 01 huyện nông thôn mới nâng cao (*Chi tiết tại Phụ lục số I đính kèm*).

b) Tiếp tục hỗ trợ 03 xã (xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc; xã Long Phước, huyện Long Thành và xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu) thực hiện chuyển đổi số cấp xã.

c) Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh đạt 85%.

d) Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn là 83,5%, trong đó: Từ công trình cấp nước tập trung là 21,87%; từ đầu nối từ công trình cấp nước đô thị là 26,29%.

đ) Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế đạt 93%.

e) Tỷ lệ lao động qua đào tạo ở khu vực nông thôn đạt 70%.

g) Giảm 30% hộ nghèo A trên tổng số hộ nghèo A.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

a) Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

- Công tác truyền thông giảm nghèo

+ Trên cơ sở chỉ đạo, định hướng của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan báo đài và hệ thống đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã thực hiện nhiều tin, bài, phóng sự tuyên truyền về các chính sách, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững,

+ Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông gồm: Tổ chức Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin và truyền thông cơ sở với tổng số người tham dự hơn 150 người.

- Giảm nghèo thông tin đa chiều:

+ Tập huấn nâng cao năng lực cho 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp huyện, thành phố và cấp xã truyền thông về giảm nghèo đa chiều; xây dựng 02 phóng sự (02 video clip) giới thiệu mô hình giảm nghèo bền vững và những địa phương thực hiện tốt công tác giảm nghèo trên Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai.

+ Thực hiện Phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo-Không để ai bị bỏ lại phía sau” Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp vận động xây dựng kế hoạch phối hợp các ban, ngành, tổ chức thành viên phối hợp tổ chức các hoạt động tháng cao điểm từ tháng 9 đến tháng 12 hàng năm, vận động các tầng lớp nhân

dân, cá nhân và doanh nghiệp thực hiện các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phong trào tốt cho người nghèo, giúp nhau sản xuất, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn.

- + Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- + Triển khai kịp thời các chủ trương, chính sách, mục tiêu giảm nghèo và giải đáp các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp huyện, xã, khu phố, ấp.

- + Xây dựng cuốn tài liệu truyền thông giảm nghèo để cập nhật các chủ trương, chế độ, chính sách mới của Đảng và Nhà nước về chương trình giảm nghèo bền vững cung cấp cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo, truyền thông và báo cáo viên cấp tỉnh, huyện, xã.

b) Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức tập huấn cho 100% cho cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp huyện và cấp xã về điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn trung ương và địa phương cuối năm 2023.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý giảm nghèo ở các cấp: Theo hướng dẫn Văn phòng quốc gia về giảm nghèo trung ương đang xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý giảm nghèo “Connection”.

- Kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện, gồm:

- + Chỉ tiêu giảm nghèo đa chiều bền vững theo chuẩn của tỉnh Đồng Nai năm 2023 là 30% hộ nghèo A/tổng số hộ nghèo A.

- + Kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án: Các sở phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan chỉ tiến hành kiểm tra thực hiện công tác giảm nghèo tại các huyện, thành phố.

- + Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ và cuối năm 2023 trên toàn tỉnh.

c) Dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

- Phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan tổ chức hướng dẫn thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng nhằm tạo điều kiện cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được tham gia dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo, qua đó giúp các đối tượng có kiến thức, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và tiếp cận nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước để tăng nguồn thu nhập cho

gia đình, sớm thoát nghèo, cận nghèo bền vững, trở thành những hộ có thu nhập ổn định trong xã hội.

- Phân bổ kinh phí cho các huyện, thành phố tổ chức thực hiện dự án, tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các mô hình.

d) Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

- Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định. Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng. Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thị trường, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

- Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 05 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo. Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 05 đến dưới 16 tuổi).

đ) Hỗ trợ việc làm bền vững

- Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng gồm: người được đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết và các thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài. Cán bộ, tuyên truyền viên, người lao động/gia đình người lao động được tư vấn giới thiệu việc làm sau khi về nước.

- Hỗ trợ việc làm bền vững gồm: Hỗ trợ giao dịch việc làm; Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư; Thu nhập, phân tích, dự báo thị trường lao động; Hỗ trợ kết nối việc làm thành công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

a) Củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo, nâng cao chất lượng, năng lực bộ phận tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp, nhất là hệ thống Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp, công chức phụ trách nông thôn mới cấp xã, đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong chỉ đạo, thực hiện Chương trình giai đoạn mới 2021 - 2025.

b) Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tập huấn, thông tin, tuyên truyền trong xây dựng nông thôn mới. Nội dung tập huấn, tuyên truyền tập trung vào các cơ chế chính sách, mục tiêu, định hướng, các nội dung mới, các Bộ tiêu chí của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025. Nhân rộng và phát huy các hình thức tuyên truyền đã có hiệu quả (hội thi), thực hiện các hình thức, nội dung tuyên truyền mới phù hợp với tình hình, đặc điểm của các địa phương.

c) Triển khai thực hiện có hiệu quả, phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh đối với các đề án, dự án, chương trình: Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới; chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); chương trình môi

trường, vệ sinh, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; chương trình về phát triển du lịch nông thôn gắn với bảo tồn, phát huy văn hoá truyền thống trong xây dựng nông thôn mới; chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh; chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; đề án “Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2030”.

d) Trên cơ sở mục tiêu, kế hoạch thực hiện Chương trình đã được tỉnh xác định, phát huy lợi thế, tiềm năng, gắn chặt xây dựng nông thôn mới với quá trình đô thị hóa; các sở, ban, ngành tỉnh, các địa phương rà soát kết quả thực hiện theo các nội dung, các bộ tiêu chí của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025, từ đó đề ra các nhiệm vụ, giải pháp, xây dựng kế hoạch, lộ trình chi tiết để thực hiện, nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu năm 2023, cũng như mục tiêu đến năm 2025.

đ) Tập trung phục hồi phát triển sản xuất, ổn định, nâng cao thu nhập người dân nông thôn, đặc biệt là người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, coi đây là một trong nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu trong thực hiện Chương trình, trong đó tập trung ứng dụng mạnh khoa học công nghệ kể cả trong sản xuất và trong tiêu thụ, hỗ trợ phát triển chuỗi liên kết, phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến sâu nông sản, tạo ra sản phẩm có giá trị cao; chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp; kết hợp sản xuất nông nghiệp với du lịch sinh thái nông thôn, nhằm nâng cao giá trị, tạo phát triển bền vững cho khu vực nông thôn.

e) Chú trọng việc bảo vệ môi trường, tập trung chỉnh trang nông thôn, tạo cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, một cách đồng bộ: Thực hiện tốt phân loại rác tại nguồn, việc thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt, đặc biệt là chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất (chai lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật), phát động, duy trì một cách thường xuyên các hoạt động về bảo vệ môi trường, lắp đặt hệ thống chiếu sáng, hình thành thói quen của từng cá nhân, hộ dân trong việc tự chỉnh trang khuôn viên gia đình, giữ gìn tạo diện mạo chung, đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp.

g) Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn: Cùng cố và nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, huy động sức mạnh toàn dân trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Phát triển và nhân rộng các mô hình tự quản về an ninh trật tự.

h) Rà soát, điều chỉnh Đề án xây dựng huyện Xuân Lộc đạt nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng “Phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững” giai đoạn 2018 - 2025, phù hợp với tình hình thực tế, với các quy định của Trung ương, đảm bảo hoàn thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2025; thực hiện tốt việc lồng ghép đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Trảng Bom.

i) Duy trì các cuộc họp Ban Chỉ đạo tỉnh định kỳ, cũng như đột xuất; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tình hình thực hiện Chương trình, đề kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, khắc phục các tồn tại, hạn chế, hoàn thành mục tiêu năm 2023.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" của dân tộc ta đối với người nghèo. Khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

b) Đổi mới phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau"; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên "thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no" của người dân và cộng đồng, phấn đấu "tỉnh Đồng Nai không còn hộ nghèo".

c) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo. Khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí; không sử dụng vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

d) Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã xây dựng và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng. Lồng ghép nguồn lực thực hiện từ các chương trình mục tiêu quốc gia khác, các đề án, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội vào Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023.

đ) Thực hiện cơ chế hỗ trợ, phân cấp, trao quyền cho cấp huyện, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Chương trình. Cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với một số dự án của chương trình theo quy định.

III. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Dự kiến tổng vốn thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2023 (vốn lồng ghép các chương trình thực hiện ở nông thôn) là 169.752.950 triệu đồng, gồm:

- a) Ngân sách tỉnh 2.339.016 triệu đồng.
 - Vốn đầu tư công 1.433.800 triệu đồng.
 - Vốn sự nghiệp 905.216 triệu đồng.
- b) Ngân sách huyện 5.563.934 triệu đồng.
 - Vốn đầu tư công 3.347.433 triệu đồng.
 - Vốn sự nghiệp 2.216.501 triệu đồng.
- c) Vốn tín dụng (dư nợ cho vay xây dựng nông thôn mới) 126.000.000 triệu đồng.
- d) Vốn doanh nghiệp 28.150.000 triệu đồng.

đ) Vốn nhân dân đóng góp 7.700.000 triệu đồng.

Trong đó, nguồn kinh phí bố trí trực tiếp cho hoạt động của Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh; tổ chức Hội thi khu dân cư kiểu mẫu, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 8.356 triệu đồng (*Chi tiết tại Phụ lục số II, Phụ lục số III đính kèm*).

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Dự kiến tổng vốn thực hiện Chương trình là 25.245 triệu đồng. Trong đó:

- Từ nguồn ngân sách giảm nghèo của tỉnh năm 2023 là 17.541 triệu đồng.
- Nguồn vốn lồng ghép, huy động là 7.704 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số IV đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và các địa phương, tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh nâng mức thưởng công trình đối với đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025.

- Chủ trì, phối hợp UBND huyện Xuân Lộc, các sở, ngành liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh Đề án xây dựng huyện Xuân Lộc đạt nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng “Phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững” giai đoạn 2018 - 2025.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan tổ chức đánh giá, thẩm định, công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đảm bảo tính khách quan, không chạy theo thành tích và không nợ tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Tham mưu UBND tỉnh tổ chức 02 lần họp Hội đồng thẩm định xét công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Đồng Nai vào tháng 7/2023, tháng 10/2023.

- Tham mưu Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh ban hành Kế hoạch truyền thông phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025.

- Chủ trì, phối hợp các ban, đảng, đoàn thể và các địa phương tổ chức tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội thảo, hội thi về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

- Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành liên quan nghiên cứu áp dụng chuyển đổi số trong việc thẩm định, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Chủ trì, phối hợp Hội Kiến trúc sư tỉnh Đồng Nai, UBND các huyện thành phố Long Khánh lựa chọn một số khu dân cư để xây dựng, thiết kế cảnh quan nông thôn.

- Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 kịp thời, hiệu quả, đồng thời tổng hợp, báo cáo những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện Chương trình về UBND tỉnh để chỉ đạo, xử lý theo quy định.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công (ngân sách tỉnh) để đảm bảo hoàn thành mục tiêu thực hiện Chương trình năm 2023 theo quy định.

c) Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh, cân đối, bố trí nguồn vốn sự nghiệp (ngân sách tỉnh), đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình năm 2023.

d) Các Sở, ban, ngành

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch năm 2023 trong đó xác định rõ kinh phí, nguồn lực thực hiện, giải pháp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Các sở, ban, ngành chủ trì hoạt động thông tin tuyên truyền, đề án, dự án thuộc Chương trình, đề xuất nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2023 gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tổng hợp.

- Lồng ghép các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao để góp phần thực hiện các nội dung thành phần và các tiêu chí nông thôn mới theo phân công.

- Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất, hỗ trợ các xã, huyện thực hiện Chương trình đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra đến năm 2025, nhất là các xã, huyện đăng ký đạt chuẩn năm 2023. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện, hướng dẫn đánh giá, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí do ngành phụ trách.

- Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, chủ động ban hành Văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện các Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao.

đ) UBND các huyện, thành phố Long Khánh

- Tổ chức Hội nghị sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, khả năng hoàn thành mục tiêu đến năm 2025. Thời gian thực hiện, hoàn thành trong Quý II/2023.

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình chi tiết năm 2023 thực hiện Chương trình trên địa bàn, cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương, huy động các nguồn vốn khác, đảm bảo cho việc thực hiện các nội dung, chỉ tiêu, tiêu chí của địa phương, hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2023 đã được xác định.

- Tăng cường vận động các tổ chức kinh tế đăng ký hỗ trợ xã, ấp, khu dân cư thực hiện xây dựng nông thôn mới; vận động, khuyến khích người dân tham gia, đóng góp xây dựng nông thôn mới theo hình thức tự nguyện, không huy động quá sức dân và để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản.

- Củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới cấp huyện, bộ phận tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo huyện, nhất là Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện.

- Chủ động lập hồ sơ đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, đảm bảo theo quy định, đúng tiến độ, thời gian trình trong năm 2023.

- UBND huyện Xuân Lộc, UBND huyện Định Quán chủ động lập hồ sơ đề nghị thẩm định, xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đảm bảo theo quy định, trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị trong năm 2023.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình giảm nghèo; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa, Long Khánh tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình theo quy định.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình ở cấp huyện, xã; tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Các sở, ngành chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội):

- Hướng dẫn xây dựng, tổ chức thực hiện dự án, tiểu dự án; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2023 cho các huyện, thành phố thực hiện đối với dự án được giao phụ trách.

- Rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các sở, ngành, địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần của Chương trình chủ trì theo quy định, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao, gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

- Thường xuyên, định kỳ tổ chức các đoàn kiểm tra ở các địa phương được phân công; giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

c) Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn sự nghiệp (ngân sách tỉnh), đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình năm 2023.

d) UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, bố trí nguồn vốn từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác thực hiện Chương trình. Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí.

- Chuẩn bị nội dung báo cáo giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tại địa phương trong 06 tháng, cả năm 2023 theo Kế hoạch số 281/KH-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để phục vụ cho Đoàn kiểm tra cấp tỉnh.

- Chủ trì xây dựng và triển khai kế hoạch, tổ chức giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 tại địa phương.

3. Đề nghị Ủy ban MTTQVN tỉnh Đồng Nai và các tổ chức chính trị - xã hội

Tiếp tục nâng cao vai trò giám sát, phản biện xã hội trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; lồng ghép trong thực hiện Chương trình; tiếp tục phối hợp tuyên truyền, vận động nâng cao vai trò chủ thể của người dân trong tham gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo....

IV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện (Chủ dự án) báo cáo định kỳ tình hình thực hiện mục tiêu, kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 (nguồn vốn Trung ương, nguồn vốn địa phương, nguồn vốn khác) gửi về Sở Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo 06 tháng gửi trước ngày 20/5/2023, báo cáo năm trước ngày 20/11/2023.

2. Sở Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo chung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo định kỳ gửi về UBND tỉnh (đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo) báo cáo các cơ quan Trung ương theo quy định: Báo cáo 06 tháng gửi trước ngày 05/6/2023, báo cáo thực hiện năm gửi trước ngày 05/12/2023.

3. Trường hợp nội dung báo cáo, tham mưu UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh liên quan đến phạm vi ngành, lĩnh vực phụ trách của Phó Trưởng ban Phụ trách, sẽ do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì tổng hợp báo cáo, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện theo quy định; quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo. Đề xuất UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp) xem xét, chỉ đạo theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính;
- Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ CTMTQG tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KTNS, KGVX (L, T).

<Tannd T5.2023>



Cao Tiến Dũng



Phụ lục I

Chỉ tiêu Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 135 /KH-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023
của UBND tỉnh)

Đơn vị	Xã nông thôn mới nâng cao	Xã nông thôn mới kiểu mẫu	Huyện nông thôn mới nâng cao
Huyện Xuân Lộc		01 xã	Trong năm 2023, trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị công nhận
Huyện Thống Nhất	02 xã		
Huyện Long Thành	02 xã		
Huyện Nhơn Trạch			
Huyện Trảng Bom	02 xã	01 xã	
Huyện Vĩnh Cửu		01 xã	
Huyện Cẩm Mỹ	01 xã		
Huyện Tân Phú	01 xã	01 xã	
Huyện Định Quán		01 xã	Trong năm 2023, trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị công nhận
Thành phố Long Khánh		01 xã	
TỔNG	08 xã	06 xã	02 huyện



Phụ lục II

KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 135 /KH-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023
của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung chỉ tiêu	Năm 2023
	TỔNG SỐ	169.752.950
I	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.902.950
1	Tỉnh	2.339.016
	Xây dựng cơ bản	1.433.800
	Sự nghiệp	905.216
2	Huyện	5.563.934
	Xây dựng cơ bản	3.347.433
	Sự nghiệp	2.216.501
II	VỐN TÍN DỤNG (dư nợ cho vay nông thôn mới)	126.000.000
III	VỐN DOANH NGHIỆP (nước ngoài và trong nước)	28.150.000
IV	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	7.700.000



Phụ lục III

KINH PHÍ BỐ TRỢ TRỰC TIẾP CHO HOẠT ĐỘNG BAN CHỈ ĐẠO NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH, TỔ CHỨC HỘI THI KHU DÂN CƯ KIỂU MẪU, THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số 135 /KH-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý đề xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
	TỔNG CỘNG					
1	KP Ban chỉ đạo + KP VPĐP					8.356.070.800
*	Kinh phí hoạt động giúp việc Ban Chỉ đạo của Văn phòng Điều phối					4.338.584.000
1.1	Công tác hoạt động					4.040.684.000
a	Tổ chức hội thảo về xây dựng nông thôn mới.		Lần	4		847.370.000
+	Hội thảo tổ chức tại tỉnh Thành phần 200 người (trong đó có 110 người là đối tượng không hưởng lương x 2 lần/năm). - Đối tượng: Cán bộ huyện, xã và cán bộ ấp, người dân. - Mục đích: Nhân rộng các mô hình hay về xây dựng nông thôn mới. - Địa điểm tổ chức: tại Tp. Biên Hòa - Số lượng: 200 người/hội thảo x 2 lần. - Thời gian: 01 ngày/hội thảo x 2 lần.		Lần	2		143.520.000
	* Nội dung: Hội thảo đánh giá kết quả thực hiện xã chuyển đổi số hướng tới nông thôn mới thông minh					

Thuê hội trường (8.640.000 đồng/buổi) Màn hình Led (3.240.000 đồng/buổi) Giờ phát sinh (nếu có) 1 tiếng x 1.000.000 đồng	Báo giá	Ngày	4	11.880.000	47.520.000
Trang trí Hội trường: (2 lần x 1.500.000 đồng/lần)		Lần	2	1.500.000	3.000.000
Tiền báo cáo viên (02 người x 4.000.000 đồng/ngày)	Thông Tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018	người	2	4.000.000	8.000.000
Tiền tham luận trình bày tại Hội thảo (5 tham luận/lần x 2 lần x 500.000 đồng)		Lần	10	500.000	5.000.000
Chi trực tiếp cho đại biểu tham dự:					-
Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương 110 người/lần x 2 lần x 200.000 đồng		Người	220	200.000	44.000.000
Nước uống giữa giờ (200 người x 2 lần x 40.000 đồng/ngày)		Người	400	40.000	16.000.000
Tiền tài liệu (200 người x 2 lần x 25.000 đồng)		Bộ	400	25.000	10.000.000
Văn phòng phẩm (200 người x 2 lần x 25.000 đồng)		Người	400	25.000	10.000.000
Hội thảo tổ chức tại Huyện Thành phần: 200 người, trong đó có 110 người là đối tượng không hưởng lương x 2 lần/năm. - Đối tượng: Cán bộ huyện, xã và cán bộ ấp, người dân. + - Mục đích: Nhân rộng các mô hình xây dựng nông thôn mới có hiệu quả - Địa điểm tổ chức: tại huyện. - Số lượng: 200 người/hội thảo x 2 lần. - Thời gian: 01 ngày/hội thảo x 2 lần. * Nội dung: Về các mô hình xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn		Lần	2		184.000.000
Thuê hội trường (2 lần x 8.000.000 đồng/lần)		Lần	2	8.000.000	16.000.000

	Trang trí Hội trường: (2 lần x 1.500.000 đồng/lần)		Lần	2	1.500.000	3.000.000
	Tiền báo cáo viên 2 người x 4.000.000 đồng/ngày	Thông Tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018	Ngày	2	4.000.000	8.000.000
	Tiền tham luận trình bày tại Hội thảo (3 tham luận/lần x 2 lần x 500.000 đồng)		Lần	6	500.000	3.000.000
	Chi trực tiếp cho đại biểu tham dự:					-
	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương (tổ chức nấu ăn tập trung) bù chênh lệch 130%: 110 người/lần x 2 lần x 195.000 đồng		Người	220	195.000	42.900.000
	Chi bù tiền ăn chênh lệch cho đại biểu hưởng lương khi nấu ăn tập trung 90 người/lần x 2 lần x 45.000 đồng		Người	180	45.000	8.100.000
	Tiền thuê nhà bạt phục vụ ăn (2 lần x 20.000.000 đồng/lần)	Báo giá	Lần	2	20.000.000	40.000.000
	Nước uống giữa giờ (200 người x 1 lần x 40.000 đồng/ngày)		Người	400	40.000	16.000.000
	Thuê xe đưa các đại biểu tham dự đi thực tế mô hình, điển hình xây dựng nông thôn mới có hiệu quả, đưa đón nhà khoa học (03 chuyến/lần x 2 lần x 4.500.000 đ/chuyến)	Báo giá	Chuyến	6	4.500.000	27.000.000
	Tiền tài liệu (200 người x 2 lần x 25.000 đồng)		Bộ	400	25.000	10.000.000
	Văn phòng phẩm (200 người x 2 lần x 25.000 đồng)		Người	400	25.000	10.000.000
b	Đi công tác (dự hội thảo, hội nghị, tập huấn, làm việc với các tỉnh)		Lần	10		173.000.000
	Cước vận chuyển đi công tác các tỉnh (2 người x 10 lần x 8.000.000 đ)		Người	20	8.000.000	160.000.000
	Tiền thuê phòng nghỉ (2 người x 10 ngày x 450.000 đ/người/ngày)		Ngày	20	450.000	9.000.000
	Phụ cấp công tác phí (2 người x 10 ngày x 200.000 đ/người/ngày)		Ngày	20	200.000	4.000.000

c	Hồ trợ công tác xây dựng báo cáo				29.850.000
	Báo cáo sơ kết, tổng kết các nội dung Kế hoạch 97, Chương trình Nông thôn mới và Phong trào Chung sức thi đua (15 báo cáo x 750.000 đ/báo cáo)	BC	15	750.000	11.250.000
	Báo cáo đột xuất theo yêu cầu chỉ áp dụng 4 Cơ quan thường trực và Văn phòng ĐP (10 báo cáo x 750.000 đ/báo cáo)	BC	10	750.000	7.500.000
	Báo cáo định kỳ trong năm 35 đơn vị (2 báo cáo/năm x 35 đơn vị x 150.000 đ/báo cáo)	BC	70	150.000	10.500.000
	Báo cáo thường kỳ trong năm (12 báo cáo x 50.000 đ/báo cáo)	BC	12	50.000	600.000
d	Lễ công bố đạt chuẩn NTM				219.000.000
	Bảng công nhận xã 24 x 8.000.000 đ Giảm so với năm 2022	Bảng	24	8.000.000	192.000.000
	Năm 2022 12 cái (có quyết định tháng 1/2023) Năm 2023 12 cái (trong đó 8 nâng cao và 4 kiểu mẫu)				
	Bảng công nhận xã 24 x 1.000.000 đ (Bằng Giấy, khung)	Bảng	24	1.000.000	24.000.000
	Chi phí tham định giá		1	3.000.000	3.000.000
e	Chi phí phục vụ họp hội tổ chức trong tỉnh				98.000.000
+	<i>Họp Ban chỉ đạo, Hội đồng tham định, tổ chuyên viên (12 lần/năm ; 60 người /lần)</i>	Lần	12		18.000.000
	Nước uống 12 lần x 60 người x 20.000 đ/buổi	Người	720	20.000	14.400.000
	Photo tài liệu 12 Bộ x 60 người x 5.000 đ/lần	Bộ	720	5.000	3.600.000
+	<i>Thuê xe đi tham dự các cuộc họp</i>				80.000.000
	Thuê xe đi tham dự các cuộc họp 20 chuyến/năm x 4.000.000 đồng	Bảo giá Chuyến	20	4.000.000	80.000.000

1.2	Tổ chức làm việc, khảo sát và kiểm tra về NTM					
a	Thuê xe 60 lần/năm x 4.500.000 đ/chuyến (kiểm tra 10 chuyến; khảo sát 10 chuyến; khảo sát KDC 10 chuyến; làm việc với địa phương 30 chuyến)	Báo giá	Chuyến	60	4.500.000	426.000.000
b	Công tác phí 60 lần/năm x 10 người x (200.000 đ/người x 130%)	Quyết định 08/2013/QĐ-UBND ngày 30/01/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai	Người	600	260.000	156.000.000
1.3	Công tác đào tạo					1.184.380.000
a	Tập huấn chuyên đề về Chương trình xây dựng nông thôn mới * Đối tượng: Cán bộ phụ trách xây dựng nông thôn mới huyện, xã. * Thời gian tập huấn: 03 ngày/lớp x 2 lớp * Địa điểm tập huấn: thành phố Biên Hòa * Số lượng: 100 người/lớp * Nội dung: Hướng dẫn cụ thể các Bộ tiêu chí, lập hồ sơ công nhận, xây dựng báo cáo đánh giá,...		Lớp	2		170.480.000
	Thuê hội trường (8.640.000 đồng/buổi) Màn hình Led (3.240.000 đồng/buổi) Giờ phát sinh (nếu có) 1 tiếng x 1.000.000 đồng	Báo giá	Ngày	6	11.880.000	71.280.000
	Trang trí Hội trường: 2 lớp x 1.000.000 đ/ngày		Cái	2	1.000.000	2.000.000
	Tiền nước uống: 100 người x 3 ngày x 2 lớp x 40.000 đ/người/ngày		Người	600	40.000	24.000.000
	Thù lao giảng viên: 3 ngày x 2 lớp x 4.000.000 đ/người/ngày	Thông Tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018	Ngày	6	4.000.000	24.000.000
	Hỗ trợ tiền ăn giảng viên: 3 ngày x 2 lớp x 200.000 đ/người/ngày		Người	6	200.000	1.200.000
	Thuê phòng nghỉ cho giảng viên: 2 đêm x 2 lớp x 500.000đ/đêm		Ngày	4	500.000	2.000.000

	Photo tài liệu: 100 người/1 lớp x 2 lớp x 25.000 đ/cuốn		Cuốn	200	25.000	5.000.000
	Văn phòng phẩm (100 người/1 lớp x 2 lớp x 25.000 đồng/người)		Người	200	25.000	5.000.000
	Thuê xe đưa các học viên đi tham quan học tập thực tế mô hình, điển hình xây dựng nông thôn mới có hiệu quả (02 chuyến/lần x 2 lớp x 7.500.000 đ/chuyến 45 chỗ ngồi)		Chuyến	4	7.500.000	30.000.000
	Thuê xe đưa rước giảng viên mời tham gia giảng dạy tập huấn: 2 chuyến/lớp x 2 lớp x 1.500.000đ/chuyến	Bảo giá ở tỉnh dưới 100km	Chuyến	4	1.500.000	6.000.000
b	Tập huấn nâng cao kiến thức xây dựng nông thôn mới cho nông dân, cán bộ các huyện, xã, ấp * Đối tượng: Cán bộ phụ trách xây dựng nông thôn mới các huyện, xã, ấp và nông dân. * Thời gian tập huấn: 2 ngày/lớp x 05 lớp * Địa điểm tập huấn: Tại các huyện * Số lượng: 300 người /lớp; trong đó có 200 người là đối tượng không hưởng lương * Nội dung: Cập nhật kiến thức về xây dựng nông thôn mới (Chương trình, các Bộ tiêu chí, chương trình năm không, ba sạch,...)		Lớp	5		641.500.000
	Tiền ăn học viên không hưởng lương (200 người x 2 ngày/lớp x 5 lớp x 150.000đ/ngày)		Người	2.000	150.000	300.000.000
	Tiền phương tiện đi lại học viên không hưởng lương (200 người x 2 ngày/lớp x 5 lớp x 20.000đ/ngày)		Người	2.000	20.000	40.000.000
	Tiền nước uống học viên (300 người x 2 ngày/lớp x 5 lớp x 40.000đ/ngày)		Người	3.000	40.000	120.000.000
	Tiền trang trí lớp học (5 lớp x 1.000.000đ/lớp)		Cái	5	1.000.000	5.000.000
	Tiền thuê hội trường: (2 ngày/lớp x 5 lớp x 3.000.000 đ/ngày)		Ngày	10	3.000.000	30.000.000
	Tiền thuê giảng viên (2 ngày/lớp x 5 lớp x 4.000.000 đ/ngày)	Thông Tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018	Ngày	10	4.000.000	40.000.000

	Tiền ăn giảng viên (5 lớp x 150.000đ/ngày)		Ngày	10	150.000	1.500.000
	Thuê xe đưa rước giảng viên mời tham gia giảng dạy tập huấn: 01 chuyên/lớp x 2 ngày x 5 lớp x 3.000.000đ/chuyên	Báo giá	Chuyến	10	3.000.000	30.000.000
	Tiền văn phòng phẩm (300 người x 5 lớp x 25.000 đồng)		Người	1.500	25.000	37.500.000
	Photo đóng tập (300 cuốn x 5 lớp x 25.000 đ/cuốn)		Cuốn	1.500	25.000	37.500.000
c	Tập huấn cho cán bộ ấp, người dân về xây dựng nông thôn mới * Đối tượng: Cán bộ ấp, khu dân cư, người dân * Thời gian tập huấn: 2 ngày/lớp x 7 lớp * Địa điểm tập huấn: tại các xã (7 huyện/ 7 lớp) * Số lượng: 100 người * Nội dung: 1.Xây dựng nông thôn mới. 2.Thay đổi tư duy SX nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp		Lớp	7		372.400.000
	Thuê hội trường (điện, nước, âm thanh, ánh sáng): 7 lớp x 2 ngày x 1.500.000 đồng		Ngày	14	1.500.000	21.000.000
	Trang trí Hội trường: 7 lớp x 1.000.000 đ/ngày		Cái	7	1.000.000	7.000.000
	Tiền ăn học viên không hưởng lương (100 người x 2 ngày/lớp x 7 lớp x 100.000đ/ngày)		Người	1.400	100.000	140.000.000
	Tiền nước uống học viên (100 người x 2 ngày/lớp x 7 lớp x 40.000đ/ngày)		Người	1.400	40.000	56.000.000
	Tiền thuê giảng viên (2 người) 2 ngày x 7 lớp x 4.000.000 đ/ngày	Thông Tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018	Ngày	14	4.000.000	56.000.000
	Tiền ăn giảng viên (2 người) 2 ngày x 7 lớp x 100.000đ/ngày		Ngày	14	100.000	1.400.000
	Thuê xe đưa rước giảng viên mời tham gia giảng dạy tập huấn: 02 chuyên/lớp x 7 lớp x 4.000.000đ/chuyên	Báo giá	Chuyến	14	4.000.000	56.000.000

	Tiền văn phòng phẩm (100 người x 7 lớp = 700 người x 25.000 đồng/người)		Người	700	25.000	17.500.000
	Photo đóng tập (100 người x 7 lớp = 700 cuốn x 25.000 đ/cuốn)		Cuốn	700	25.000	17.500.000
1.4	Chi phí khác	<i>Thực hiện Chủ chương theo từng nhiệm vụ được giao (theo chỉ đạo của UBND tỉnh)</i>				1.582.934.000
a	Xây dựng phần mềm thẩm định, công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu		Phần mềm	1	1.000.000.000	1.000.000.000
b	Hỗ trợ kinh phí xuất bản cuốn sách "Vai trò của các tổ chức đảng trong xây dựng nông thôn mới"					53.784.000
	Bài viết		Lần	5	4.827.600	24.138.000
	Ảnh		Lần	5	1.609.200	8.046.000
	Kỹ thuật, thiết kế, biên tập/bài		Lần	5	2.160.000	10.800.000
	Chi phí in ấn, xuất bản, phát hành/Bài		Lần	5	2.160.000	10.800.000
c	Tiếp đoàn công tác Ban chỉ đạo trung ương làm việc, khảo sát và kiểm tra thực tế công tác xây dựng huyện đạt nông thôn mới nâng cao và trình duyệt hồ sơ huyện NTM nâng cao					228.900.000
	- Tiếp đoàn công tác Ban chỉ đạo trung ương làm việc, khảo sát và kiểm tra thực tế công tác xây dựng huyện đạt nông thôn mới nâng cao					110.500.000
	Nước uống 5 lần x 20 người x 30.000 đ/buổi		Người	100	30.000	3.000.000
	Photo tài liệu 5 Bộ x 20 người x 100.000 đ/bộ		Bộ	100	100.000	10.000.000
	Mời cơm đại biểu (5 lần x 20 người x 300.000đ/ngày)		Người	100	300.000	30.000.000

	Thuê xe đi công tác 15 lần x 4.500.000 đ/lần (5 lần đi thực tế tại các xã, 2 chuyến/lần x 5 lần đưa đón sân bay đoàn công tác trung ương vào làm việc)	Báo giá	Chuyến	15	4.500.000	67.500.000
	- Chi phí đi trình duyệt hồ sơ huyện NTM nâng cao					
	Cước vận chuyển đi công tác tại Hà Nội (3 người x 3 lần x 8.000.000 đ)		Người	9	8.000.000	118.400.000
	Tiền thuê phòng nghỉ (3 người x 2 ngày x 3 lần 450.000 đ/người/ngày)		Ngày	18	450.000	72.000.000
	Phụ cấp công tác phí (3 người x 3 ngày x 3 lần x 200.000 đ/người/ngày)		Ngày	27	200.000	8.100.000
	In ấn hồ sơ trình huyện NTM nâng cao 70 bộ ((100 trang thường*500 đ +40 trang in màu*10.000 đ + bìa 20.000 đ)*35 cuốn*2 huyện))	Báo giá	Bộ	70	470.000	5.400.000
d	Tiếp đoàn công tác Ban Chỉ đạo Trung ương; Tiếp đoàn công tác các tỉnh bạn đến học tập kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới					32.900.000
	Nước uống 15 lần x 30 người x 30.000 đ/buổi		Người	450	30.000	227.250.000
	Photo tài liệu 15 Bộ x 30 người x 25.000 đ/bộ		Bộ	450	25.000	13.500.000
	Mời cơm đại biểu (15 lần x 30 người x 300.000đ/ngày)		Người	450	300.000	11.250.000
	Thuê xe đi công tác tại các xã 15 lần x 4.500.000 đ/lần	Báo giá	Chuyến	15	4.500.000	135.000.000
e	Đi học tập kinh nghiệm các tỉnh bạn về nông thôn mới		Lần	1		67.500.000
	Tiền phòng ngủ (20 người x 3 đêm x 450.000đ/người)		Người	60	450.000	73.000.000
	Tiền phụ cấp lưu trú: (20 người x 4 ngày x 200.000đ)		Người	80	200.000	27.000.000
	Thuê xe đưa đón và đi chuyển trong thời gian đi học tập trong 4 ngày (4 chuyến x 7.500.000 đồng/ngày)	Báo giá	Chuyến	4	7.500.000	16.000.000
**	Kinh phí Ban Chỉ Đạo NNNDNT & XDNTM					30.000.000

							297.900.000
1.1	Hỗ trợ thù lao kiêm nhiệm						209.500.000
	Trưởng ban và Phó trưởng ban (5 người x 12 tháng x 300.000 đồng/người/tháng)		Người	60	300.000	18.000.000	
	Các thành viên Ban Chi đạo tỉnh, Tổ trưởng, tổ phó, thư ký Tổ Chuyên viên và chuyên viên giúp việc của Cơ quan là Thành viên Thường trực Ban Chi đạo tỉnh (45 người x 12 tháng 250.000 đồng/người/tháng)		Người	540	250.000	135.000.000	
	Các thành viên Tổ chuyên viên giúp việc Ban Chi đạo tỉnh của các cơ quan không thuộc thành viên Thường trực (30 người x 12 tháng x 150.000 đồng/người/tháng)		Người	360	150.000	54.000.000	
	Phí chuyển tiền ATM khác ngân hàng (50 người x 2 lần/năm x 25.000 đồng)		Người	100	25.000	2.500.000	
1.2	Kinh phí hoạt động của 02 cơ quan thường trực Ban chỉ đạo (các Sở: Sở Nông nghiệp và PTNT; Tài chính)						88.400.000
-	Thuế xe BCD tham dự hội nghị, tổng kết đánh giá, công tác chương trình Nông thôn mới: 10 chuyên/ năm, 180 km /chuyên x 12.000 đ (Sở Nông nghiệp và PTNT)		Chuyến	10	2.160.000	21.600.000	
-	Nhiên liệu đi công tác huyện, xã: 26 chuyên/năm x 50 lít/lần x 24.000 đ (2xã/ chuyên/công tác)		Lít	37	1.200.000	44.400.000	
-	Công tác phí: 2 cơ quan x 26 ngày/năm x 2 người/lần x 200.000 đồng (2 xã/lần công tác)		Người	76	200.000	15.200.000	
-	Văn phòng phẩm hỗ trợ 2 cơ quan thường trực (2 cơ quan x 5.200.000đ/cơ quan)		Khoản 02 đơn vị	2		7.200.000	
2	KP CTMTQG XD NTM						3.577.256.800
2.1	Tuyên truyền nông thôn mới của Văn phòng Điều phối						95.000.000
	Thực hiện phòng sự tuyên truyền nông thôn mới kiểu mẫu 2023						
	Nội dung: Hướng dẫn các Bộ tiêu chí nông thôn mới, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, Khu dân cư kiểu mẫu;	Báo giá	Clip	10	9.500.000	95.000.000	

	quy trình thực hiện...)						
2.2	Thực hiện các đề án, chương trình về xây dựng nông thôn mới						
a	Mô hình khu dân cư kiểu mẫu hạn chế túi nylon, rác thải nhựa và phân loại rác tại nguồn.						650.050.000
	Hỗ trợ 05 khu dân cư: thùng rác, túi giấy, túi thân thiện môi trường, túi đựng rác tự phân hủy, giỏ đi chợ.... (50.000.000 đồng x 5 KDC)						320.000.000
	Tổ chức họp với người dân tại khu dân cư thực hiện mô hình						250.000.000
	Hỗ trợ nước uống cho các buổi họp của khu dân cư (10 lần/khu x 5 khu x 40 người/lần x 10.000 đồng/người)						
	Văn phòng phẩm, tài liệu phục vụ buổi họp của Khu dân cư (25 lần x 2.000/000 đ/lần)						20.000.000
b	Hội thi trực tuyến tìm hiểu kiến thức về xây dựng nông thôn mới						50.000.000
-	Thiết kế phần mềm thi trực tuyến						90.050.000
-	Giải thưởng Hội thi (bao gồm 60 giải tuần và 19 giải chung cuộc)						43.200.000
	Cá nhân: (bao gồm 60 giải tuần ; 15 giải chung cuộc)						36.000.000
	Giải nhất tuần (15 giải/1 tuần x 4 tuần)						24.000.000
	1 giải nhất						12.000.000
	2 giải nhì (1.500.000 đồng/giải)						2.000.000
	2 giải ba (1.000.000 đồng/giải)						3.000.000
	10 giải khuyến khích (500.000 đồng/giải)						2.000.000
							5.000.000

	<i>Tập thể: 4 giải</i>					12.000.000
	1 giải nhất		Giải	1	5.000.000	5.000.000
	1 giải nhì		Giải	1	3.000.000	3.000.000
	2 giải ba (2.000.000 đồng/giải)		Giải	2	2.000.000	4.000.000
-	Tổ chức hội nghị trao giải					9.900.000
	Hội trường		Buổi	1	2.000.000	2.000.000
	Băng rôn trang trí		Cải	1	2.000.000	2.000.000
	Nước uống (100 người x 20.000 đồng/người/buổi)		Người	100	20.000	2.000.000
	Hoa trao giải (19 giải x 150.000 đồng/bó)		Bó	19	150.000	2.850.000
	Hoa tặng Ban Giám Khảo (07 bó x 150.000 đồng/bó)		Bó	7	150.000	1.050.000
-	Thanh toán chi mua khung khen và giấy khen (19 cái x 50.000 đồng)		Cải	19	50.000	950.000
c	<i>Phối hợp Hội kiến trúc sư tính thực hiện các chương trình, dự án về xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn: Thuê chuyên gia hỗ trợ các khu dân cư xây dựng cảnh quan (03 khu dân cư/năm x 01 chuyên gia/khu dân cư)</i>					240.000.000
	Thu lao thuê chuyên gia (03 người x 20 ngày x 2.000.000 đồng)	Thông tư số 02/2015/TT-BLDTBXH ngày 12/1/2015	ngày	60	2.000.000	120.000.000
	Thuế xe đưa đón chuyên gia đi khảo sát tại các xã (03 người x 10 ngày x 4.000.000 đồng/chuyên/1 ngày)	Bảo giá	ngày	30	4.000.000	120.000.000
2.3	<i>Phối hợp với các sở ban ngành, đoàn thể và địa</i>					

	<i>phương thực hiện tuyên truyền</i>						
a	Hội Cựu chiến binh						2.832.206.800
	Tập huấn cấp tỉnh (210 người/ lớp)						
	Mỗi phường, xã 1 Đc x 171 Phường, xã = 171 Đc; 11 đơn vị huyện x 1 Đc= 11 Đc; khối 487 và Cơ quan Tỉnh Hội 28 Đc	Lớp	1				36.700.000
	Mua Văn phòng phẩm	Lớp	1		2.000.000		2.000.000
	Trang trí khẩu hiệu tập huấn	Lớp	1		1.000.000		1.000.000
b	Nước uống (210 người x 40.000 đồng/người)	Theo giá thực tế					
	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương 180 người x 50.000 đồng/người						
	Thù lao giáo viên (1 người x 1.300.000 đồng/người)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	210		40.000		8.400.000
	Thuế xe đi kiểm tra thực hiện công tác XD NTM ở cấp huyện, thành phố (10 chuyên/10 huyện x 1.500.000 đồng)	Người	180		50.000		9.000.000
	Ban Tuyên Giáo: Hội thảo khoa học chủ đề "Phát huy tối đa mọi nguồn lực, tạo sức mạnh đột phá để xây dựng nông thôn mới nâng cao, NTM kiểu mẫu, KDC kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND	1		1.300.000		1.300.000
	Nước uống giữa giờ (180 người x 20.000đ/người)	Theo giá thực tế	10		1.500.000		15.000.000
	Thù lao cho chủ trì hội thảo: 1.200.000đ/ buổi	Lần					78.200.000
	Thù lao cho thư ký hội thảo: 400.000đ/ buổi	Người	180		20.000		3.600.000
	Kinh phí chi trả cho báo cáo tham luận phục vụ hội thảo:	Người	2				1.600.000
	- Tham luận đặt hàng không trình bày tại hội thảo: 20 tham luận x 800.000đ	Báo cáo	20		800.000		16.000.000
+	- Tham luận đặt hàng trình bày tại hội thảo: 10 tham luận x 1.600.000đ	Báo cáo	10		1.600.000		16.000.000

-	Thù lao cho thành viên tham gia hội thảo 180 đại biểu x 200.000 đồng/người	đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Người	180	200.000	36.000.000
	Kinh phí in ấn, tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ hội thảo		Lần	1	5.000.000	5.000.000
c	Huyện Vĩnh Cửu					201.950.000
-	Tập huấn tuyên truyền * Thời gian tập huấn: 01 lớp/ngày * Địa điểm tập huấn: tại UBND Huyện * Số lượng: 250 người/lớp * Đối tượng: Cán bộ ấp, khu dân cư, người dân * Nội dung: triển khai các nội dung thay đổi theo bộ tiêu chí mới, vận động người dân cùng tham gia phòng trào xây dựng nông thôn mới tại khu dân cư nơi sinh sống		Lớp	1		46.150.000
	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên không hưởng lương (200 người x 150.000 đồng)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	200	150.000	30.000.000
	Tiền nước cho học viên (250 người x 40.000 đồng)		Người	250	40.000	10.000.000
	Tài liệu cho học viên (250 người x 10.000 đ)	Bảo giá	Bộ	250	10.000	2.500.000
	Băng rôn tập huấn		Cải	1	1.000.000	1.000.000
	Thuê Hội trường (âm thanh; máy chiếu)		Lớp	1	2.000.000	2.000.000
	Thù lao cho giảng viên	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Lớp	1	650.000	650.000

-	Tuyên truyền lưu động * Thời gian tuyên truyền: 02 địa phương/ngày/đợt * Địa điểm: tại các khu dân cư trên địa bàn các xã. 02 xã/đợt, riêng xã Phú Lý 01 đợt * Số lượng: 20 người/ngày/đợt * Đối tượng: Văn phòng Điều phối XDNTM huyện và BCĐ NN-ND-NT&XDNT xã * Nội dung: tuyên truyền vận động người dân cùng tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới tại khu dân cư nơi sinh sống	Đợt	6		56.800.000
	Thực hiện pano gắn xe máy (cây gỗ, in màu nội dung tuyên truyền trên vải) 10 cái x 500.000 đ	Cái	10	500.000	5.000.000
	Thuê xe tuyên truyền đi các xã (02 địa phương/đợt) 6 chuyến x 2.000.000 đ	Chuyến	6	2.000.000	12.000.000
	Hỗ trợ xăng cho đoàn xe máy đi cùng (02 địa phương/đợt) 60 xe x 150.000 đ	Xe	60	150.000	9.000.000
	Nước uống (6 đợt) 170 phần x 40.000 đồng	Phần	170	40.000	6.800.000
	Đồng phục cho mỗi thành viên tham gia: Thành viên huyện: 10 người 11 địa phương: Mỗi địa phương 10 người 120 bộ x 200.000 đồng	Bộ	120	200.000	24.000.000
-	Bảo dưỡng 10 pano tuyên truyền	Cái	10		99.000.000
	Thực hiện bảo dưỡng 10 pano (10 cái x 9.000.000 đồng)	Cái	10	9.000.000	90.000.000
	Chi phí thẩm định giá	Lần	1	9.000.000	9.000.000
d	Huyện Cẩm Mỹ				134.400.000

-	Kinh phí tập huấn tuyên truyền Nông thôn mới * Thời gian tập huấn: 01 ngày/lớp x 12 lớp * Địa điểm tập huấn: tại các xã * Số lượng: 50 người/lớp * Đối tượng: Cán bộ ấp, khu dân cư, người dân * Nội dung tập huấn: Tập huấn giải pháp xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí Nông thôn mới, Nông thôn mới nâng cao, Nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025		Lớp	12		62.400.000
	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên không hưởng lương (600 người x 50.000 đồng)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	600	50.000	30.000.000
	Tiền nước cho học viên (600 người x 10.000 đồng)	Báo giá	Người	600	10.000	6.000.000
	Tài liệu cho học viên (600 người x 10.000 đồng)		Bộ	600	10.000	6.000.000
	Băng rôn tập huấn (12 cái x 500.000 đồng)		Cái	12	500.000	6.000.000
	Thuê Hội trường (12 lớp x 600.000 đồng)		Lớp	12	600.000	7.200.000
	Thù lao cho giảng viên (12 lớp x 600.000 đồng)	Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND ngày 29/10/2019	Lớp	12	600.000	7.200.000
-	Tuyên truyền trực quan: Băng rôn tuyên truyền nông thôn mới với kích thước 5m x 0,7m tại địa bàn 12 xã (mỗi xã 20 cái) 12 xã x 20 cái/xã x 300.000 đồng			240	300.000	72.000.000
e	Huyện Trảng Bom					164.700.000
-	Tuyên truyền tập huấn giải pháp xây dựng mô hình khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn huyện (1 ngày/lớp x 10 lớp) * Thời gian tập huấn: 01 ngày/lớp x 10 lớp * Địa điểm tập huấn: tại các xã * Số lượng: 50 người/lớp * Đối tượng: Cán bộ ấp, khu dân cư, người dân		Lớp	10		46.000.000

	* Nội dung tập huấn: Giải pháp xây dựng mô hình khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn huyện					
	Tiền báo cáo viên (400.000 đ/ngày/lớp x 10 lớp)	Lớp	10	400.000		4.000.000
	Tiền photo tài liệu học viên (20.000 đ/hv x 50 hv/lớp x 10 lớp)	Người	500	20.000		10.000.000
	Tiền nước uống cho học viên (40.000 đ/hv x 50 hv/lớp x 10 lớp)	Người	500	40.000		20.000.000
	Tiền trang trí, vệ sinh hội trường (1.200.000 đ/lớp x 10 lớp)	Lớp	10	1.200.000		12.000.000
-	Tuyên truyền trực quan:					
	Băng rôn tuyên truyền nông thôn mới (5m x 1m); số lượng 82 cái (66 ấp + 16 Trung tâm) x 350.000 đồng/băng rôn	Cái	82	350.000		118.700.000
	Pano: 02 bảng x 45.000.000 đ/bảng (4m x 8m) Địa điểm Ấp 2 xã Sông Trà và Bàu Hàm	Cái	2	45.000.000		28.700.000
f	Huyện Thống Nhất					90.000.000
-	Tuyên truyền trực quan bằng pano điện tử	Cái	2			226.786.800
	Màn hình Led ma trận (3.86 m x 0.66 m) 2.5 m2 x 2 cái x 7.560.000 đồng	m2	5	7.560.000		70.716.800
	Bo điều khiển (2 cái x 1.620.000 đồng)	Cái	2	1.620.000		37.800.000
	Nguồn 60A 5V (8 cái x 2 lần x 540.000 đồng)	Cái	16	540.000		3.240.000
	Khung hộp sắt ốp Alu mặt sau và 4 mặt bên (D 3.86m x C 0.66m x R 0.2m) 4.3 m2 x 2* 1.188.000 đồng	m2	8,6	1.188.000		8.640.000
	Khung đỡ màn hình Led (2 x 2.700.000 đồng)	Bộ	2			10.216.800

	Nhân công đào lỗ, vật tư: sắt, cát, xi măng, đá .v.v.... phần móng chôn chân trụ 2 trụ x 2 x 1.080.000 đồng		Trụ	4		2.700.000	5.400.000		
	Thảm định giá	Theo giá thực tế	Lần	1		1.100.000	1.100.000		
-	Kinh phí Tập huấn tuyên truyền nông thôn mới 2023 (9 lớp) * Thời gian tập huấn: 01 ngày/lớp x 9 lớp * Địa điểm tập huấn: tại các xã * Số lượng: 100 người/lớp * Đối tượng: Cán bộ ấp, người dân * Nội dung tập huấn: Chương trình xây dựng nông thôn mới		Lớp	9			91.350.000		
	Hỗ trợ tiền ăn học viên không hưởng lương (100 người/lớp x 9 lớp x 50.000 đồng)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	900		50.000	45.000.000		
	Tiền nước học viên (100 người x 9 lớp x 20.000 đồng)		Người	900		20.000	18.000.000		
	Tài liệu cho học viên (100 người x 9 lớp x 15.000 đồng)	Theo giá thực tế	Bộ	900		15.000	13.500.000		
	Băng rôn tập huấn (9 cái x 350.000 đồng)		Cái	9		350.000	3.150.000		
	Thuê Hội trường (thuê dọn dẹp vệ sinh hội trường và giữ xe) 9 lớp x 600.000 đồng		Lớp	9		600.000	5.400.000		
	Thù lao giảng viên (cả ngày) 9 ngày x 700.000 đồng	Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND ngày 29/10/2019	Ngày	9		700.000	6.300.000		
-	Tổ chức ra quân trồng cây xanh tại các tuyến đường trên địa bàn huyện (dự kiến 100 người tham gia)						48.300.000		
	Giống cây trồng (Hồng Lộc, Mai vạn phúc, Hoa giấy,) 500 cây x 50.000 đồng		cây	500		50.000	25.000.000		
	Chi phí vận chuyển cây từ đơn vị bán giống đến từng hố trồng	Theo giá thực tế	chuyển	1		2.000.000	2.000.000		
	Đào hố (500 hố x 10.000 đồng)		Hố	500		10.000	5.000.000		

	Bảng ron phát động phong trào			cái	1	700.000	700.000
	Nước uống (20 thùng x 150.000 đồng)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018		Thùng	20	150.000	3.000.000
	Áo thun (100 cái x 100.000 đồng)	Theo giá thực tế		cái	100	100.000	10.000.000
	Nón (100 cái x 15.000 đồng)			cái	100	15.000	1.500.000
	Thảm định giá			lần	1	1.100.000	1.100.000
-	Xây dựng clip phóng sự về xây dựng khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn huyện						16.420.000
	Biên tập cơ sở dữ liệu (2 người x 745.000 đồng)	Quyết định 13/2022/QĐ-UBND		Người	2	745.000	1.490.000
	Quay phim, Làm phóng sự (3 người x 1.490.000 đồng)			Người	3	1.490.000	4.470.000
	Phát thanh viên, thu âm lời bình (1 người x 1.490.000 đồng)			Người	1	1.490.000	1.490.000
	Dựng phim (2 người x 1.490.000 đồng)			Người	2	1.490.000	2.980.000
	Viết bài (1 người x 1.490.000 đồng)			Người	1	1.490.000	1.490.000
	Ghi đĩa CD (90 đĩa x 50.000 đồng)	Báo giá		Đĩa	90	50.000	4.500.000
g	Thành phố Long Khánh						164.180.000
-	Kinh phí tập huấn tuyên truyền nông thôn mới * Thời gian tập huấn: 01 lớp/ngày * 4 lớp * Địa điểm tập huấn: (02 lớp tại thành phố, 02 lớp tại xã (Hàng Gòn, Bàu Trâm) * Số lượng: 100 người/lớp * Nội dung tập huấn: Triển khai các nội dung thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới			Lớp	4		92.200.000

	- Hổ trợ tiền báo cáo viên cấp tỉnh : 02 người/ngày x 04 lớp x 1.000.000 đồng	Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND ngày 29/10/2019	Người	8	1.000.000	8.000.000
	- Tiền xe đưa đón báo cáo viên (chuyến đi và về trong ngày): 04 chuyến x 1.500.000 đồng		Chuyến	4	1.500.000	6.000.000
	- Tiền in tài liệu (400 cuốn x 25.000 đ)	Bảo giá	Cuốn	400	25.000	10.000.000
	- Tiền mua túi đựng hồ sơ, bút (400 túi hồ sơ + 400 bút x 10.000 đồng)		Chiếc	800	10.000	8.000.000
	- Tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (Tổ chức tại thành phố) 100 người x 150.000 đồng		Người	100	150.000	15.000.000
	- Tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (tổ chức tại xã) 200 người x 100.000 đồng		Người	200	100.000	20.000.000
	- Tiền nước uống cho học viện 400 người x 40.000 đồng	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	400	40.000	16.000.000
	- Tiền in ấn băng rôn 4 cái x 300.000 đồng		Cái	4	300.000	1.200.000
	- Tiền thuê hội trường, dọn dẹp, giữ xe 4 lớp x 2.000.000 đồng		Lớp	4	2.000.000	8.000.000
-	Tuyên truyền trực quan					31.400.000
	Băng rôn tuyên truyền nông thôn mới trên địa bàn các xã (1,5mx8m); treo 02 lần/năm; số lượng (03 cái/ấp x 15 ấp + 04 Trung tâm Văn hóa - Học tập và Cộng đồng xã) 98 cái x 300.000 đồng	Bảo giá	Cái	98	300.000	29.400.000
	Tiền công treo băng rôn (01 công/01 xã/01 lần) 8 công x 250.000 đồng		Công	8	250.000	2.000.000
-	Kinh phí tổ chức Hội thi văn nghệ tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới Số lượng: 01 cuộc thi (dự kiến mỗi xã một đội dự thi từ 5-7 người tham gia), 01 Hội đồng Ban Giám khảo (dự kiến 09 người) Đội tượng: Cán bộ, công chức, người dân					40.580.000

	Thuê Hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi		Ngày	1	10.000.000	10.000.000
	Chi thuê dẫn chương trình (2 người x 1.000.000 đồng)		Người	2	1.000.000	2.000.000
	Chi hỗ trợ cho thành viên Hội đồng Ban giám khảo Hội thi (9 người x 70.000 đồng)	Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/1/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp	Người	9	70.000	630.000
	Chi in cờ thi đua (3 tấm x 150.000 đồng)		tấm	3	150.000	450.000
	Chi mua hoa tặng các đơn vị đạt giải (4 bó x 250.000 đồng)		Bó	4	250.000	1.000.000
	Chi khen thưởng cho các đơn vị đạt giải					
	Giải nhất	Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/1/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp	Giải	1	10.000.000	10.000.000
	Giải nhì		Giải	1	7.000.000	7.000.000
	Giải ba		Giải	1	5.000.000	5.000.000
	Giải khuyến khích		Giải	1	3.000.000	3.000.000
	Giải phụ		Giải	3	500.000	1.500.000
h	Huyện Nhơn Trạch					263.700.000
-	Mở lớp tổ chức tập huấn tuyên truyền về nông thôn mới (01 lớp) * Thời gian tập huấn: 01 ngày/lớp x 1 lớp * Địa điểm tập huấn: tại huyện * Số lượng: 100 người/lớp * Đối tượng: Cán bộ ấp, khu dân cư, người dân * Nội dung tập huấn: Triển khai Bộ tiêu chí Nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu		Lớp	1		23.200.000

	của tỉnh; Vai trò của Tổ chức chính trị, xã hội trong công tác thông tin tuyên truyền, vận động cộng đồng dân cư trong xây dựng nông thôn mới; Công tác bảo vệ môi trường ở nông thôn; một số nội dung có liên quan đến việc triển khai thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới					
	Hỗ trợ tiền ăn học viên không hưởng lương: 100 người x 150.000 đồng/người x 1 lớp	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	100	150.000	15.000.000
	Tiền nước: 100 người x 40.000 đồng/người x 1 lớp		Người	100	40.000	4.000.000
	Tài liệu cho học viên: 100 người x 20.000 đồng/người/quyển x 1 lớp		Cuốn	100	20.000	2.000.000
	Bảng ôn tập huấn: 600.000 đồng/cái	Theo giá thực tế	Cái	1	600.000	600.000
	Thuê hội trường, âm thanh, vệ sinh,... (trọn gói): 1.200.000đ/lớp x 1 lớp = 1.200.000 đồng.		Trọn gói	1	1.200.000	1.200.000
	Thù lao giảng viên (cả ngày): 400.000đ/lớp x 1 lớp		Lần	1	400.000	400.000
-	Panô (kết cấu bằng khung sắt vuông 25, mặt tôn, căng bạt hiflex 2 mặt, viên nhôm, gắn có dè vào cột điện + thiết kế + thẩm định giá) rộng 0.5m x cao 2.5m * Địa điểm: xã Long Thọ và xã Phước Khánh Số lượng: 150 cái x 1.350.000 đồng	Báo giá	Cái	150	1.350.000	202.500.000
-	Tổ chức tập huấn giải pháp xây dựng mô hình Khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn huyện Thời gian tập huấn: 01 ngày/lớp x 11 lớp Địa điểm tập huấn: tại các xã Số lượng: 30 người/lớp Đối tượng: Cán bộ xã, ấp, Khu dân cư và người dân Nội dung tập huấn: Giải pháp xây dựng mô hình Khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn huyện		Lớp	11		38.000.000

	Tiền báo cáo viên (400.000 đ/ngày/lớp x 11 lớp)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Lần	11	400.000	4.400.000
	Bảng ôn tập huấn: 600.000 đồng/cái		Cái	1	600.000	600.000
	Tiền photo tài liệu học viên (30 hv x 11 lớp x 20.000 đồng)		Cuốn	330	20.000	6.600.000
	Tiền nước uống cho học viên (30 hv x 11 lớp x 40.000 đồng)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	330	40.000	13.200.000
	Thuế hội trường, âm thanh, vệ sinh... (1.200.000 đ/lớp x 11 lớp)		Trọn gói	11	1.200.000	13.200.000
i	Huyện Định Quán					579.280.000
-	Thay các nội dung pano tuyên truyền (tháo ra thay mới lắp đặt lại)					134.000.000
	Pano nhỏ (0,8 m x 2 m) treo cột điện					
	Địa điểm: Phú Ngọc; Thanh Sơn; Phú Hòa; Phú Vinh		Cái	200	400.000	80.000.000
	Pano lớn					
	Địa điểm: Phú Túc, Phú Vinh, Ngọc Định, Phú Ngọc, Túc Trung... (300 m2 x 180.000 đồng)		m2	300	180.000	54.000.000
-	Pano tuyên truyền (0,8 m x 2 m) treo cột điện					
	Địa điểm: Suối Nho, Phú Cường, Gia Canh, La Ngà... (Làm mới và lắp đặt)		Cái	200	700.000	140.000.000
-	Phối hợp Hội liên hiệp phụ nữ huyện Định Quán tổ chức tuyên truyền phong trào 5 không 3 sạch gắn với xây dựng Nông thôn mới		Lớp	3		44.850.000
	Tài liệu tập huấn (450 bộ x 10.000 đồng)		Bộ	450	10.000	4.500.000
	Hỗ trợ tiền ăn đối tượng không hưởng lương (450 người x 50.000 đồng)		Người	450	50.000	22.500.000
	Tiền nước (450 người x 20.000 đồng)		Người	450	20.000	9.000.000
	Khẩu hiệu trang trí hội trường (3 cái x 150.000 đồng)		Cái	3		

				150.000	450.000
	Tiền thuê xe (3 chuyến x 1.800.000 đồng)	Chuyến	3	1.800.000	5.400.000
	Bồi dưỡng báo cáo viên (3 người x 1.000.000 đồng)	Người	3	1.000.000	3.000.000
-	Phối hợp với Huyện đoàn thực hiện				260.430.000
+	Tổ chức tập huấn khởi nghiệp, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho đoàn viên, thanh niên.				8.545.000
	Phòng trang trí (4.5 m ² x 110.000 đồng)	m ²	4,5	110.000	495.000
	Băng rôn tuyên truyền (3 cái x 300.000 đồng)	Cái	3	300.000	900.000
	Thuê màn chiếu	Bộ	1	500.000	500.000
	Thuê âm thanh	Loa	1	500.000	500.000
	Nước uống (10 bình x 15.000 đồng)	Bình	10	15.000	150.000
	Tài liệu (100 cuốn x 15.000 đồng)	Cuốn	100	15.000	1.500.000
	Báo cáo viên (2 người x 500.000 đồng)	Người	2	500.000	1.000.000
	Hội trường (điện+ giữ xe) 2 người x 250.000đ	Người	2	250.000	500.000
	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, không lương (100 người x 30.000 đồng)	Người	100	30.000	3.000.000
+	Xây dựng tuyến đường phân loại rác tại nguồn				192.095.000
++	Kinh phí xây dựng tuyến đường				179.375.000
	Thùng rác nhỏ (200 thùng x 250.000 đ)	Thùng	200	250.000	50.000.000
	Thùng rác lớn (50 thùng x 1.250.000 đ)	Thùng	50		

	In decal dán loại nhỏ (200 tờ x 80.000 đ)		Tờ	200	1.250.000	62.500.000
	In decal dán loại lớn (50 tờ x 150.000 đ)		Tờ	50	150.000	7.500.000
	Kính phi thi công bảng tên công trình (4.5 m ² x 750.000 đồng)		m ²	4,5	750.000	3.375.000
	In bảng hướng dẫn phân loại rác (khung sắt) 50 bảng x 800.000 đồng)		Bảng	50	800.000	40.000.000
++	Kính phi khánh thành tuyến đường					3.870.000
	Nước uống ra quân (5 bình x 20.000 đ)		Bình	5	20.000	100.000
	Thuê âm thanh		Bộ	1	1.000.000	1.000.000
	Băng rôn tuyên truyền (5 cái x 300.000 đ)	Theo giá thực tế	Cái	5	300.000	1.500.000
	Phòng chính (7 m ² x 110.000 đ)		m ²	7	110.000	770.000
	Bồi dưỡng dọn vệ sinh, giữ xe (2 người x 250.000 đồng)		Người	2	250.000	500.000
++	Kinh phí tổ chức lớp tập huấn phân loại rác tại nguồn					8.850.000
	Phòng trang trí (4.5 m ² x 70.000 đồng)		m ²	4,5	70.000	315.000
	Băng rôn tuyên truyền (2 cái x 300.000 đ)	Theo giá thực tế	Cái	2	300.000	600.000
	Băng rôn chào mừng đại biểu (6.3 m ² x 50.000 đồng)		m ²	6,3	50.000	315.000
	Nước uống binh (2 bình x 20.000 đồng)		Bình	2	20.000	40.000
	Nước uống chai (4 thùng x 95.000 đồng)		Thùng	4	95.000	380.000
	Báo cáo viên (2 người x 1.000.000 đồng/ngày)		Người	2		

					1.000.000	2.000.000
	Tài liệu: 50 cuốn x 24.000đ/cuốn	Cuốn	50	24.000	1.200.000	
	Hội trường (điện+ giữ xe) 2 người x 500.000đ	Người	2	500.000	1.000.000	
	Hỗ trợ tiền ăn cho người dân, không lương (100 người x 30.000 đồng)	Người	100	30.000	3.000.000	
+	Hội thi “Thanh niên nông thôn với các giải pháp xây dựng nông thôn mới gắn với phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh				27.780.000	
	Maket sân khấu chính (18 m2 x 90.000 đ)	m2	18	90.000	1.620.000	
	Thuê giữ xe + điện (2 người x 500.000 đ)	Người	2	500.000	1.000.000	
	Băng rôn chào mừng đại biểu 8m*1m*90.000đ/m	m2	8	90.000	720.000	
	Bandrol tuyên truyền (5 cái x 300.000đ/cái)	Cái	5	300.000	1.500.000	
	Nước uống : 20 bình x 15.000đ/bình	Bình	20	15.000	300.000	
	Nước uống chai : 02 thùng x 120.000đ/thùng	Thùng	2	120.000	240.000	
	Hoa Ban giám khảo: 05 bó * 80.000đ/bó	Bó	5	80.000	400.000	
	Hoa tặng 14 đội thi : 14 bó * 100.000đ/bó	Bó	14	100.000	1.400.000	
	Bồi dưỡng BGK : (5 người x 300.000đ/người)	Người	5	300.000	1.500.000	
	Khung khen + giấy : 14 bộ x 30.000 đ	Bộ	14	30.000	420.000	
	Giai thưởng:				18.680.000	
	Cờ giải: 14 x 120.000đ/cờ	Cờ	14	120.000	1.680.000	

	Giải nhất: 1 giải x 4.000.000đ/ giải		Giải	1	4.000.000	4.000.000
	Giải nhì: 1 giải x 3.000.000đ/ giải		Giải	1	3.000.000	3.000.000
	Giải ba: 2 giải x 2.000.000đ/ giải		Giải	2	2.000.000	4.000.000
	Giải KK: 5 giải x 1.000.000đ/ giải		Giải	5	1.000.000	5.000.000
	Giải tiểu phẩm hay nhất: 500.000đ/ giải		Giải	1	500.000	500.000
	Giải cổ động viên: 500.000đ/ giải		Giải	1	500.000	500.000
+	Ra quân trồng cây xanh nhân kỷ niệm 133 năm ngày sinh nhật Bác					32.010.000
	Phòng chính (7m2 x 110.000 đồng)		m2	7	110.000	770.000
	Bao tay lao động (100 đôi x 8.000 đ)		Đôi	100	8.000	800.000
	Băng rôn tuyên truyền (3 cái x 300.000 đ)		Cái	3	300.000	900.000
	Thuê âm thanh		Bộ	1	1.000.000	1.000.000
	Nước uống 20 bình x 15.000 đồng		Bình	20	15.000	300.000
	Nước uống chai 2 thùng x 120.000 đồng		Thùng	2	120.000	240.000
	Mua giống cây giáng hương (700 cây x 40.000 đồng)		Cây	700	40.000	28.000.000
k	Tĩnh Đoàn					506.070.000
-	Hội thi Thanh niên nông thôn sáng tạo khởi nghiệp lần thứ 2		Lần	1		203.270.000
	Kinh phí tuyên truyền cho cuộc thi					61.000.000

Thuê thiết kế Logo Cuộc thi, Video, Clip tuyên truyền, giới thiệu Cuộc thi (20 cái x 300.000 đ)	Theo thực tế	Cải	20	300.000	6.000.000
Kinh phí giới thiệu Cuộc thi trên Báo, Đài PTTH Đồng Nai và các trang mạng xã hội (5 cái x 3.000.000 đồng)		Cải	5	3.000.000	15.000.000
Xây dựng Website cho cuộc thi năm 2022 và những năm tiếp theo		Lần	1	30.000.000	30.000.000
Banner dọc tuyên truyền về Cuộc thi trên các tuyến đường (100 cái x 100.000 đồng)		Cải	100	100.000	10.000.000
Kinh phí tập huấn xây dựng đề án khởi nghiệp (Số lượng: 100 người, tổ chức 1 buổi tại Nhà hàng Sen Vàng)					19.000.000
Thuê hội trường, màn hình led, âm thanh	Theo thực tế	Buổi	1	11.000.000	11.000.000
Photo Tài liệu (100 bộ x 20.000 đồng)	Theo thực tế	Bộ	100	20.000	2.000.000
Nước uống giữa giờ (100 người x 20.000 đồng)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	100	20.000	2.000.000
Báo cáo viên (2 người x 1.000.000 đồng)	Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐNT ngày 29/10/2019 của Hội Đồng nhân dân tỉnh	Người	2	1.000.000	2.000.000
Thuê xe chở Báo cáo viên từ Tp. HCM về Đồng Nai và ngược lại (2 lượt x 1.000.000 đồng/lượt)	Theo thực tế	Xe	2	1.000.000	2.000.000
KP tổ chức vòng loại cuộc thi "Thanh niên nông thôn sáng tạo khởi nghiệp" (Số lượng: 100 người, tổ chức 1 ngày tại Nhà hàng Sen Vàng)					35.860.000
Thuê hội trường, màn hình led, âm thanh	Theo thực tế	Ngày	1	20.000.000	20.000.000
Hoa tặng Ban Giám khảo		Bó	1	200.000	200.000
Thiết kế maket trình chiếu, phòng trang trí toàn chương		CT	1		

trình							
	Băng rôn trước cổng (18 m2 x 70.000 đồng)					2.000.000	2.000.000
	Bánh ngọt, nước uống giữa giờ (100 người x 40.000 đồng)			m ²	18	70.000	1.260.000
	Thuê xe đưa rước BGK từ Tp.Hồ Chí Minh (03 người, 3 chuyến 2 lượt đi và về x 1.000.000 đồng/chuyến)			Người	100	40.000	4.000.000
	Bồi dưỡng Ban giám khảo chấm thi (5 người x 500.000 đồng/buổi x 2 buổi)			Chuyến	3	1.000.000	3.000.000
	Bồi dưỡng Thư ký (2 người x 100.000 đồng/buổi x 2 buổi)			Người	5	1.000.000	5.000.000
	Vòng bán kết cuộc thi (Số lượng 50 người, tổ chức 1 buổi tại Nhà hàng Golden Lotus)			Người	2	200.000	400.000
	Thuê hội trường						22.860.000
	Hoa tặng Ban Giám khảo			Buổi	1	11.000.000	11.000.000
	Băng rôn trước cổng (18 m2 x 70.000 đồng)			Bó	1	200.000	200.000
	Bánh ngọt, nước uống giữa giờ (50 người x 40.000 đồng)			m ²	18	70.000	1.260.000
	Bồi dưỡng Ban giám khảo chấm thi (5 người x 500.000 đồng/buổi x 2 buổi)			Người	50	40.000	2.000.000
	Bồi dưỡng Thư ký (2 người x 100.000 đồng/buổi x 2 buổi)			Người	5	500.000	5.000.000
	Thuê xe đưa rước BGK từ Tp.Hồ Chí Minh (03 người, 3 chuyến 2 lượt đi và về x 1.000.000 đồng/chuyến)			Người	2	100.000	400.000
	Tổ chức Vòng Chung kết - Trao giải cuộc thi "Thanh niên nông thôn sáng tạo khởi nghiệp" (Tổ chức 1 ngày tại Nhà hàng Golden Lotus)			Chuyến	3	1.000.000	3.000.000
	Livestream cuộc thi trên nền tảng các trang mạng xã hội			Lần	1		64.550.000

					8.000.000	8.000.000
Thuê hội trường lớn	Theo thực tế	Ngày	1	20.000.000	20.000.000	
Văn phòng phẩm	Theo thực tế	Lần	1	500.000	500.000	
Hoa trao giải cho các thí sinh vào chung kết (10 vòng x 150.000 đồng)		Vòng	10	150.000	1.500.000	
Hoa tặng Ban Giám khảo, Hội đồng chấm thi (2 bó x 200.000 đồng)		Bó	2	200.000	400.000	
Bồi dưỡng Ban giám khảo chấm thi (5 người x 500.000 đồng)	Vận dụng Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 13/04/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	Người	5	500.000	2.500.000	
Bồi dưỡng Thư ký (2 người x 100.000 đồng)		Người	2	100.000	200.000	
Biểu trưng (10 cái x 300.000 đồng)		Cái	10	300.000	3.000.000	
Hỗ trợ Đội văn nghệ đầu giờ	Theo thực tế	Lần	1	5.000.000	5.000.000	
Giải I (1 giải x 5.000.000 đồng)		Giải	1	5.000.000	5.000.000	
Giải II (1 giải x 4.000.000 đồng)		Giải	1	4.000.000	4.000.000	
Giải III (2 giải x 3.000.000 đồng)		Giải	2	3.000.000	6.000.000	
Giải khuyến khích (3 giải x 2.000.000 đồng)	Theo đề xuất	Giải	3	2.000.000	6.000.000	
Giải thưởng vì cộng đồng (1 giải x 1.000.000 đồng)		Giải	1	1.000.000	1.000.000	
Giải cho cá nhân xuất sắc nhất do Hội đồng chấm điểm bình chọn (1 giải x 1.000.000 đồng)		Giải	1	1.000.000	1.000.000	
In Giấy khen và khung khen (10 giải x 45.000 đồng)	Theo thực tế	Giải	10	45.000	450.000	

-	Tập huấn về Chuyển đổi số nông thôn mới - Địa điểm: 11/11 huyện, thành phố - Thời gian: dự kiến tháng 6/2023 - Số lượng: 50 người/lớp.		Lớp	11		146.300.000
	Maket trang trí (4m x 6m) x 11 cái x 200.000 đ	Theo thực tế	m2	264	200.000	52.800.000
	Băng rôn treo công (11 cái x 500.000 đồng)		Cái	11	500.000	5.500.000
	Hỗ trợ báo cáo viên (11 người x 1.000.000 đồng)	Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐNT ngày 29/10/2019 của Hội Đồng nhân dân tỉnh	Người	11	1.000.000	11.000.000
	Hỗ trợ điện, nước, giữ xe, vệ sinh địa điểm tổ chức (11 ngày x 2.000.000 đồng/ngày)	Theo đề xuất	Ngày	11	2.000.000	22.000.000
	Hỗ trợ tiền nước cho học viên (550 người x 40.000 đồng)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	550	40.000	22.000.000
	Hỗ trợ xe đưa đón báo cáo viên (11 chuyến x 1.500.000 đồng)	Theo thực tế	Chuyến	11	1.500.000	16.500.000
	Photo tài liệu (550 cuốn x 30.000 đồng)		Cuốn	550	30.000	16.500.000
-	Hỗ trợ giới thiệu sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao trên nền tảng công nghệ số - Thời gian: dự kiến tháng 3 triển khai - Hình thức: Xây dựng website triển lãm thực tế ảo		Lần	1		156.500.000
+	Xây dựng Website triển lãm thực tế ảo	Theo thực tế	Gói	1	140.000.000	140.000.000
+	Tổ chức Hội nghị thông tin về website triển lãm thực tế ảo, kết nối NSX					14.500.000
	Hỗ trợ báo cáo viên giới thiệu về website	Theo đề xuất	Người	1	1.000.000	1.000.000
	Thuê Hội trường (Nhà hàng Sen Vàng)	Theo thực tế	Buổi	1	11.000.000	11.000.000

Bảng rón		Cải	1	500.000	500.000
Hỗ trợ nước uống cho các đại biểu (100 người x 20.000 đồng)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	100	20.000	2.000.000
+	Pho to tài liệu (100 bộ x 20.000 đồng)	Bộ	100	20.000	2.000.000
1	Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam: Tập huấn tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia Chương trình MTQG xây dựng NTM cho đội ngũ cán bộ mặt trận cơ sở năm 2023 * Thời gian tập huấn: 01 lớp/ngày * Địa điểm tập huấn: tại Trung tâm Chính trị huyện, thành phố * Số lượng khoảng: 83 người/lớp * Đối tượng: cán bộ Mặt trận cấp huyện, xã, ấp. * Nội dung: Triển khai các nội dung Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng nông thôn mới gắn với Cuộc vận động TĐBKXDNTM, ĐTVM và quy trình thẩm định tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, khu dân cư kiểu mẫu, huyện nông thôn mới nâng cao; những nội dung cơ bản của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Đồng Nai (giai đoạn 2021 - 2025).	Lớp	10	224.240.000	
	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương (758 người x 150.000 đồng/người)	Người	758	150.000	113.700.000
	Tiền nước cho đại biểu (828 x 40.000 đồng/ngày)	Người	828	40.000	33.120.000
	Thuế hội trường, âm thanh, ánh sáng (10 lớp là 10 ngày x 1.000.000 đồng)	Ngày	10	1.000.000	10.000.000
	Khẩu hiệu, trang trí (10 ngày x 800.000 đồng)	Cải	10	800.000	8.000.000
	Chi tiền in ấn tài liệu (828 cuốn x 15.000 đồng)	Cuốn	828	15.000	12.420.000

	Tiền báo cáo viên (02 giảng viên giảng/1 lớp x 10 lớp x 1.300.000 đồng/người)	Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐNT ngày 29/10/2019 của Hội Đồng nhân dân tỉnh	Người	20	1.300.000	26.000.000
	Thuê xe 07 chỗ (10 chuyển/10 ngày x 2.100.000 đồng/chuyển)	Báo giá	Chuyển	10	2.100.000	21.000.000
m	Hội Nông dân Tổ chức tập huấn 01/lớp/100 học viên/ngày x 6 lớp					153.000.000
	Chi hỗ trợ tiền ăn cho học viên không hưởng lương (100 người x 6 lớp x 100.000 đồng)		Người	600	100.000	60.000.000
	Nước uống học viên (100 người x 6 lớp x 20.000 đồng)		Người	600	20.000	12.000.000
	Hỗ trợ tiền xăng xe học viên (100 người x 6 lớp x 50.000 đồng)		Người	600	50.000	30.000.000
	Thù lao giảng viên (1 người x 2 buổi x 6 lớp x 1.000.000 đồng)		Ngày	12	1.000.000	12.000.000
	Photo Tài liệu (100 bộ x 6 lớp x 20.000 đồng)		Bộ	600	20.000	12.000.000
	Thuê Hội trường tập huấn, giữ xe (6 lớp x 1.500.000 đồng)		Lớp	6	1.500.000	9.000.000
	Khẩu hiệu khung sắt và trang trí hội trường (6 lớp x 700.000 đồng)		Lớp	6	700.000	4.200.000
	Thuê xe đi tổ chức lớp (chỉ theo thực tế) 6 chuyển x 2.000.000 đồng		Chuyển	6	2.000.000	12.000.000
	Văn Phòng phẩm (6 lớp x 300.000 đồng)		Lớp	6	300.000	1.800.000
n	Huyện Long Thành					99.000.000
	Thiết kế xây dựng các pano tuyên truyền tại xã Phước Thái và Cẩm Đường: 2 panô (6mx4m) x 49.500.000đ/panô = 99.000.000 đồng		Cái	2	49.500.000	99.000.000
3	Hội thi "khu dân cư kiểu mẫu sáng, xanh, sạch đẹp" cấp tỉnh (Thành phần 300 người, trong đó có 200					440.230.000

	người là đối tượng không hưởng lương)					
	Mặt bằng Nhà hát truyền hình	Báo giá	Buổi	1	32.000.000	32.000.000
	Âm thanh, ánh sáng	Báo giá	Buổi	1	16.000.000	16.000.000
	Phí giữ xe máy	Báo giá	Buổi	1	2.000.000	2.000.000
	Thuê dẫn chương trình (2 MC)	Báo giá	Người	1	3.000.000	3.000.000
	Màn hình led	Báo giá	Buổi	1	40.000.000	40.000.000
	Ghi hình chương trình hội thi	Báo giá	Buổi	1	70.000.000	70.000.000
	Băng rôn trang trí		Cái	2	2.000.000	4.000.000
	Nước uống giữa giờ (300 người x 20.000đ/ người/ngày)		Người	300	20.000	6.000.000
	Bồi dưỡng Ban giám khảo chấm thi (07 người x 500.000/buổi)		Người	7	500.000	3.500.000
	Bồi dưỡng Thư ký (4 người x 200.000/buổi)		Người	4	200.000	800.000
	Giai I		Giai	1	10.000.000	10.000.000
	Giai II		Giai	2	7.000.000	14.000.000
	Giai III		Giai	4	5.000.000	20.000.000
	Giai khuyến khích		Giai	8	3.000.000	24.000.000
	Giai phụ		Giai	4	500.000	2.000.000
	Biểu trưng cho các địa phương, ấp, xã tham gia Hội thi cấp tỉnh		Cái	27	1.000.000	27.000.000

	Cờ lưu niệm		Cái	17	200.000	3.400.000
	In Giấy khen và khung khen		Cái	17	50.000	850.000
	Hoa trao giải Hội thi		Bó	10	150.000	1.500.000
	Hoa tặng Ban Giám khảo chấm thi		Bó	7	200.000	1.400.000
	Photo tài liệu (14 người x 20.000 đồng/bộ)		Bộ	14	20.000	280.000
	Văn phòng phẩm		Lần	1	1.500.000	1.500.000
	Thuê xây dựng Clip tuyên truyền, giới thiệu Hội thi (Thời lượng: 2-5 phút)	Báo giá	Lần	1	12.000.000	12.000.000
	Thuê xây dựng Clip tổng hợp vòng thi cấp huyện (phục vụ vòng chung kết), Thời lượng: 15 phút	Báo giá	Lần	1	30.000.000	30.000.000
	Thuê thiết kế Infographic cho Hội thi		Lần	1	5.000.000	5.000.000
	Thuê xe chở chấm điểm thực tế các khu dân cư (10 lần x 3.000.000 đồng)	Báo giá	Lần	10	3.000.000	30.000.000
	Banner, băng rôn tuyên truyền Hội thi trên các tuyến đường		Lần	200	250.000	50.000.000
	Thuê xe đi khảo sát thực tế KDC tham gia hội thi (6 chuyến x 4.500.000 đồng)		chuyến	6	4.500.000	27.000.000
	Chi phí thẩm định giá		Lần	1	3.000.000	3.000.000

BẢNG DỰ TRÙ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2023



(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Các dự án	Năm 2023		
		Tổng số	Ngân sách nhà nước (nguồn ngân sách giảm nghèo của tỉnh năm 2023)	Kinh phí huy động, góp vốn, lồng ghép...
1	2	3	4	5
I	Dự án 01: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo của Sở LĐTBXH (Dự án 2 Quyết định 90/QĐ-TTg) Nội dung: Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Sở LĐ-TBXH)	13.333.333.333	8.000.000.000	5.333.333.333
1	Ngân sách tỉnh phân cho các huyện, thành phố	8.000.000.000	8.000.000.000	
2	Hộ dân tham gia góp vốn, ngày công ...	5.333.333.333		5.333.333.333
II	Dự án 02: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Dự án 3 Quyết định 90/QĐ-TTg)	9.819.411.765	7.490.000.000	2.329.411.765
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (Sở Nông nghiệp & PTNT)	8.329.411.765	6.000.000.000	2.329.411.765
a	Ngân sách tỉnh phân cho các huyện, thành phố	6.000.000.000	6.000.000.000	
b	Tổ chức, hộ dân tham gia góp vốn, ngày công	2.329.411.765		2.329.411.765
2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng (Sở Y tế)	1.490.000.000	1.490.000.000	
a	Ngân sách tỉnh phân cho Sở Y tế	290.000.000	290.000.000	
b	Ngân sách tỉnh phân cho các huyện, thành phố	1.200.000.000	1.200.000.000	
III	Dự án 03: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Dự án 4 Quyết định 90/QĐ-TTg) - Nội dung: Hỗ trợ việc làm bền vững (Sở LĐ-TBXH)	41.400.000		41.400.000
1	Kinh phí lồng ghép trong chương trình giải quyết việc làm cấp cho ngành LĐTBXH	41.400.000		41.400.000
IV	Dự án 04: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Dự án 6 Quyết định 90/QĐ-TTg)	950.000.000	950.000.000	

ST °T	Các dự án	Năm 2023		
		Tổng số	Ngân sách nhà nước (nguồn ngân sách giảm nghèo của tỉnh năm 2023)	Kinh phí huy động, góp vốn, lồng ghép...
1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin (Sở Thông tin và Truyền thông)	200.000.000	200.000.000	
a	Ngân sách tỉnh phân cho Sở Thông tin và Truyền thông	200.000.000	200.000.000	
2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều (Sở LĐ-TBXH)	750.000.000	750.000.000	
a	Ngân sách tỉnh phân cho Sở LĐTBXH	200.000.000	200.000.000	
b	Ngân sách tỉnh phân cho các huyện, thành phố	550.000.000	550.000.000	
V	Dự án 05: Nâng cao năng lực, kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình giảm nghèo (Dự án 7 Quyết định 90/QĐ-TTg) (Sở LĐ-TBXH)	1.101.000.000	1.101.000.000	
1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực	730.000.000	730.000.000	
a	Ngân sách tỉnh phân cho Sở LĐTBXH	180.000.000	180.000.000	
b	Ngân sách tỉnh phân cho các huyện, thành phố	550.000.000	550.000.000	
2	Tiểu dự án 2: Hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá	371.000.000	371.000.000	
a	Ngân sách tỉnh phân cho Sở LĐ-TBXH	41.000.000	41.000.000	
b	Ngân sách tỉnh phân cho các huyện, thành phố	330.000.000	330.000.000	
TỔNG CỘNG		25.245.145.098	17.541.000.000	7.704.145.098